

Thứ ba, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Giảm điểm phiên cuối năm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/1/2020		•	
Tuần 30/12-3/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Chịu áp lực giảm điểm ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index mở rộng đà giảm theo thời gian. Các mã cổ phiếu bluechips như GAS, VCB, VHM, SAB, VRE là lực kéo chỉ số xuống dưới mốc tham chiếu. Độ rộng của thị trường nghiêng về bên bán với 199 mã giảm điểm. Tuy vậy, chỉ số vẫn giữ được mốc 960 điểm cho thấy đây là ngưỡng hỗ trợ mạnh trong ngắn và trung hạn. Thanh khoản giảm về mức thấp và khối ngoại bán ròng cũng cho thấy nhà đầu tư vẫn chủ yếu giữ trạng thái chờ đợi cho năm sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_ Chiến tranh thương mại_ 0.9%. 12/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.4%

Phân tích kỹ thuật: VPB_ Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.04 điểm**, đóng cửa 960.99. HNX-Index **+0.35 điểm**, đóng cửa 102.51.
- Kéo chỉ số tăng: **NVL (+0.29); VJC (+0.28); HDB (+0.19); VPB (+0.14); TCB (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.48); VCB (-0.86); VHM (-0.67); SAB (-0.37); VRE (-0.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,202 tỷ đồng**, **-9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.49 điểm. Thị trường có 137 mã tăng, 55 mã tham chiếu và 199 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **135.56 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm ROS (51.31 tỷ), VIC (38.72 tỷ) và HDB (22.09 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **4.37 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

960.99

Giá trị: 2202.86 tỷ

-4.04 (-0.42%)

Khối ngoại (ròng): -135.56 tỷ

HNX-INDEX

102.51

Giá trị: 287.71 tỷ

0.35 (0.34%)

Khối ngoại (ròng): -4.37 tỷ

UPCOM-INDEX

56.56

Giá trị: 157.72 tỷ

0.5 (0.89%)

Khối ngoại(ròng): 14.16 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	61.5	-0.34%
Giá vàng	1,524	0.61%
Tỷ giá USD/VND	23,173	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,977	0.16%
Tỷ giá JPY/VND	21,331	0.23%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	9.99%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.60%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	17.2	ROS	-51.3
VEA	7.9	VIC	-38.7
MSN	6.4	HDB	-22.0
VHM	6.3	VCI	-14.8
E1VFN30	5.9	VNM	-12.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **12/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.4%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **17/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Chiến tranh thương mại	0.9%	1.1%	-2.8%	-7.4%	-12.1%	5.3%	12.8%	15.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.5%	-0.4%	-3.4%	-9.0%	-13.5%	-9.6%	46.7%	21.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	0.0%	1.1%	0.8%	-4.8%	21.1%	52.2%	14.4%
Cổ phiếu VN30	0.0%	0.3%	0.6%	-8.1%	-1.0%	7.0%	59.0%	14.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	1.3%	2.9%	-2.6%	4.1%	10.2%	45.3%	19.8%
FTSE Việt Nam	-0.2%	0.7%	-0.7%	-2.5%	-0.5%	11.0%	89.2%	14.9%
Ngân hàng	-0.2%	1.3%	4.7%	-0.1%	13.7%	21.5%	94.6%	22.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	1.6%	2.8%	-4.4%	9.7%	18.8%	77.4%	17.2%
BDS & Khu công nghiệp	-0.3%	1.5%	0.0%	-3.5%	-0.6%	8.8%	59.6%	16.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.3%	0.3%	-1.6%	-2.3%	0.1%	10.3%	6.6%	18.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	0.5%	-1.9%	-3.8%	-2.4%	8.7%	78.6%	13.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.4%	1.2%	3.0%	-2.0%	12.9%	32.1%	126.1%	18.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.5%	1.5%	1.1%	-3.8%	5.9%	17.7%	86.6%	16.0%
Dầu khí	-0.6%	-0.7%	-3.2%	-7.5%	-10.4%	6.8%	19.6%	23.4%
Nước & Năng lượng	-0.7%	-1.3%	-2.1%	-6.8%	-8.8%	8.8%	45.7%	14.4%
Lãi suất giảm	-0.7%	1.7%	-2.2%	-8.8%	-9.4%	1.4%	49.7%	17.7%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.8%	0.4%	-4.2%	-10.1%	-9.4%	-5.3%	-5.8%	17.2%
Hàng tiêu dùng	-1.1%	0.3%	-3.5%	-11.9%	-5.2%	2.4%	56.2%	17.3%
Xây dựng	-1.6%	0.9%	-2.0%	-17.5%	-15.5%	-13.4%	20.3%	18.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 1	0.2%	1.6%	2.7%	-0.2%	9.4%	17.1%	102.3%	15.7%
Danh mục 12	0.0%	1.9%	1.8%	-2.6%	4.3%	26.2%	82.1%	18.5%
Danh mục 8	0.0%	0.3%	1.6%	-1.8%	4.2%	18.9%	64.0%	17.3%
Danh mục 6	-0.4%	1.5%	-0.3%	-10.5%	2.5%	11.8%	85.6%	21.6%
Danh mục 18	-0.4%	0.9%	2.0%	-2.4%	-0.9%	9.3%	127.7%	18.0%
* Note	17/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.3%	1.2%	0.9%	-5.7%	2.8%	27.6%	96.4%	20.1%
Danh mục 22	-0.1%	0.7%	2.1%	-2.7%	7.7%	23.2%	69.7%	16.3%
Danh mục 20	-0.1%	1.1%	1.5%	-1.9%	7.4%	19.9%	63.4%	16.7%
Danh mục 21	-0.3%	1.4%	1.5%	-4.1%	6.9%	20.7%	65.6%	15.7%
Danh mục 25	-0.3%	0.5%	-1.8%	-8.4%	3.2%	28.5%	122.2%	17.8%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-0.4%	0.2%	0.2%	-3.2%	-1.5%	7.8%	45.0%	15.5%
VN30INDEX	-0.1%	1.1%	0.5%	-4.6%	-0.1%	2.1%	42.5%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/31/2019

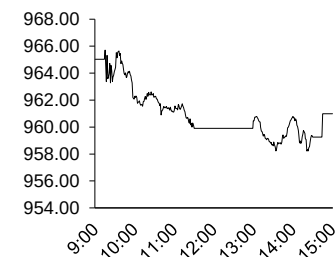
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

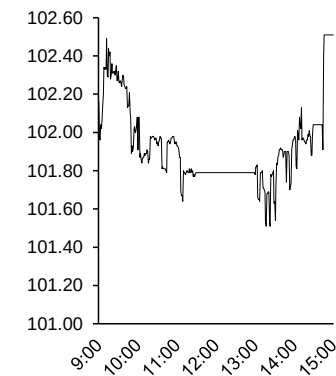
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.9%
Xây dựng và Vật liệu	-1.1%
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%
Truyền thông	-0.6%
Hóa chất	-0.5%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%
Bất động sản	-0.3%
Công nghệ Thông tin	-0.2%
Ngân hàng	-0.2%
Bán lẻ	-0.2%
Bảo hiểm	-0.2%
Dầu khí	-0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Y tế	0.4%
Dịch vụ tài chính	0.4%
Du lịch và Giải trí	0.5%
Ô tô và phụ tùng	0.9%
Viễn thông	2.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VPB_ Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: VPB đã hình thành ngưỡng hỗ trợ khá vững tại vùng tích lũy 19-20. Đà tăng đang hình thành đồng thuận với sự hồi phục trở lại của thanh khoản đã về ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu đã cắt lên dải mây Ichimoku trong phiên hôm nay, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, VPB nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 22-23 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PT KT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Catalyst

- (1) IPO FE Credit nhiều khả năng sẽ diễn ra vào năm 2020.
- (2) Cải thiện chất lượng tài sản giúp giảm chi phí trích lập dự phòng trong 2020.

Luận điểm đầu tư

Chất lượng tài sản được cải thiện. NPL = 3.5%, tỷ lệ nợ vay có vấn đề = 7.1%. Nợ VAMC dự kiến write off toàn bộ trong năm 2019. LLCR = 49.6%.

CAR hiện đang ở mức an toàn, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn của SBV.

Thu nhập lãi thuần +22% yoy, tiếp tục tăng trưởng ở mức cao trong ngành. Thu nhập lãi thuần +22% yoy do (1) Tăng trưởng tín dụng +19.3% ytd, (2) NIM = 9.3% (+23 bps). Thu nhập ngoài lãi +5.6% yoy. VPB tiết giảm chi phí -> CIR giảm nhẹ. Chi phí dự phòng/PPOP = 58%. LNTT +17.5% yoy.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: POW 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 31/12/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 31/12	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	61.44	-0.12%	1.69%	9.96%	35.29%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.66	-0.28%	1.83%	9.12%	23.93%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.74	-1.07%	0.94%	10.10%	31.28%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1516.50	0.31%	2.06%	3.67%	18.20%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.91	0.74%	2.59%	5.76%	15.70%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	949.06	1.23%	0.58%	9.56%	7.54%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	554.61	-0.36%	2.56%	2.26%	10.21%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.30	0.00%	-0.36%	-5.39%	39.55%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	177.30	0.74%	1.72%	6.10%	3.62%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.53	-0.07%	0.59%	6.12%	12.47%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.50	0.00%	0.00%	-20.13%	-19.35%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	132.15	-0.26%	5.47%	8.77%	29.75%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.82	0.05%	0.23%	7.26%	7.22%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3788.00	0.83%	1.86%	-4.10%	-1.20%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1825.00	0.61%	1.39%	4.17%	-1.14%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	91.00	0.55%	-1.09%	4.60%	27.27%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.30	0.07%	2.55%	-3.14%	-31.47%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent đạt 68.99 USD/thùng. Giá dầu WTI đạt 62.34 USD/thùng.
- Giá dầu tăng lên mức cao nhất trong vòng 3 tháng trong phiên vừa qua do lạc quan về khả năng đạt được thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung và số liệu công nghiệp của Trung Quốc khởi sắc, giữa bối cảnh các nhà đầu tư đang theo dõi sát sao tình hình ở Trung Đông sau các cuộc không kích của Mỹ ở Iraq và Syria.
- Các nhà đầu tư cũng đang theo dõi sát tình hình chiến sự ở Trung Đông sau khi Mỹ tiến hành không kích vào các tay súng Kata'ib Hezbollah tại Iraq và Syria hôm 29/12 nhằm trả đũa cho đợt tấn công của nhóm này tại Iraq làm 1 công dân Mỹ thiệt mạng. Mô dầu Nassiriya ở miền Nam Iraq đã buộc phải ngừng hoạt động ngay sau đó, và đã hoạt động trở lại vào ngày 30/12/2019. Công ty dầu mỏ quốc gia Lybia NOC cho biết họ cũng đang xem xét đóng cửa cảng Zawiya ở miền Tây nước này và sơ tán nhân viên khỏi nhà máy lọc dầu.
- Tại Trung Quốc, kết quả thăm dò sơ bộ cho thấy hoạt động tại các nhà máy trong tháng 12 này đang tăng nhanh trở lại.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.3% lên 1,515.26 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York giữ tại 1,518.6 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trong phiên vừa qua do lo ngại gia tăng về kinh tế toàn cầu và USD yếu đi. Từ đầu năm đến nay, giá vàng đã tăng 18% do lo ngại kinh tế toàn cầu suy yếu.

Giá sắt thép

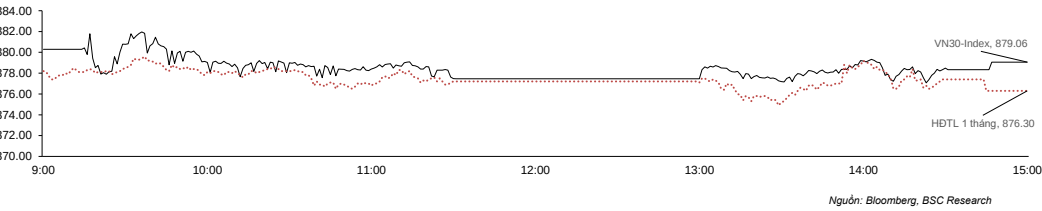
- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên chốt ở mức 641.5 CNY (91.86 USD)/tấn. Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên (Trung Quốc) giữ vững vào lúc kết thúc phiên giao dịch vừa qua trong bối cảnh giao dịch trầm lắng.
- Lượng quặng sắt lưu tại các cảng biển của Trung Quốc đã tăng tuần thứ 2 liên tiếp. Tồn trữ quặng sắt nhập khẩu tại các cảng biển Trung Quốc ngày 27/12/2019 đạt 130.75 triệu tấn, cao nhất kể từ đầu tháng 11/2019. Nhập khẩu quặng sắt vào nước này mấy tháng gần đây liên tiếp tăng.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn TOCOM tăng 1.2 JPY (0.011 USD) lên 200.1 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020, trên sàn Thượng Hải, tăng 125 CNY (17.9 USD) lên 12,985 CNY/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2001	876.30	-0.23%	-2.76	10.1%	62291	1/16/2020	17
VN30F2002	876.40	-0.32%	-2.66	53.4%	201	2/20/2020	52
VN30F2003	883.50	-0.01%	4.44	9.1%	24	3/19/2020	80
VN30F2006	889.30	-0.03%	10.24	-70.7%	12	6/18/2020	171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ 1.23 điểm xuống mức 879.06 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, GAS, HPG, VHM, và VCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 điều chỉnh giảm xuống quanh 878 điểm, sau khi tăng tích cực đầu phiên lên 882 điểm. Sang phiên chiều, VN30 vận động tích lũy quanh vùng giá 877-879 điểm. Thanh khoản cải thiện, VN30 có thể kiểm tra ngưỡng 885 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CGMD1901	MBS	4/28/2020	119	2.83:1	30,850	-71.5%	1.5 triệu	18.09%	1,680	1,050	15.38%	171.40	6.13
CTCB1901	MBS	1/17/2020	17	2:1	17,260	-53.7%	2.0 triệu	21.65%	1,680	640	12.28%	245.40	2.61
CHPG1908	MBS	1/22/2020	22	2:1	67,060	82.5%	2.0 triệu	25.04%	1,450	1,900	11.76%	1,532.00	1.24
CNVL1901	KIS	2/7/2020	38	4:1	74,600	46.4%	5.0 triệu	18.00%	1,900	950	5.56%	137.20	6.92
CVJC1902	SSI	4/22/2020	113	1:1	10,760	90.8%	1.0 triệu	13.74%	27,900	27,050	4.24%	18,276.10	1.48
CVPB1901	VND	3/5/2020	65	1:1	126,910	14.0%	2.0 triệu	19.98%	3,500	3,380	4.00%	2,216.70	1.52
CVNM1905	MBS	4/28/2020	119	1:1	58,700	-22.7%	1.5 triệu	18.39%	2,500	1,200	1.69%	193.60	6.20
CVNM1903	SSI	4/22/2020	113	1:1	12,700	-50.0%	1.0 triệu	18.39%	26,600	14,010	-0.28%	3,965.70	3.53
CTCB1902	VND	6/5/2020	157	1:1	36,000	-65.2%	2.0 triệu	21.65%	5,300	4,240	-0.93%	3,259.90	1.30
CHPG1907	SSI	4/22/2020	113	1:1	26,810	213.9%	1.0 triệu	25.04%	4,200	4,360	-1.13%	3,107.50	1.40
CFPT1905	SSI	4/22/2020	113	1:1	24,720	-51.1%	1.0 triệu	20.84%	9,900	7,820	-1.26%	5,149.80	1.52
CMWG1907	HSC	4/8/2020	99	10:1	127,320	12.5%	5.0 triệu	21.97%	1,900	950	-2.06%	196.20	4.84
CFPT1907	VND	1/9/2020	9	2:1	33,010	-92.9%	2.0 triệu	20.84%	4,200	2,760	-2.13%	2,681.40	1.03
CVNM1906	VND	3/5/2020	65	1:1	48,300	11.5%	1.0 triệu	18.39%	8,100	5,030	-3.08%	2,468.50	2.04
CMBB1903	SSI	4/22/2020	113	1:1	67,350	-12.3%	3.0 triệu	17.72%	4,000	1,780	-4.81%	521.70	3.41
CMSN1902	KIS	5/15/2020	136	5:1	201,410	47.8%	2.0 triệu	26.64%	1,640	940	-5.05%	25.80	36.43
CFPT1906	HSC	4/8/2020	99	5:1	104,730	-58.7%	5.0 triệu	20.84%	1,700	1,400	-6.04%	725.00	1.93
CMBB1906	VND	1/9/2020	9	1:1	177,590	-8.4%	3.0 triệu	17.72%	2,100	660	-7.04%	494.30	1.34
CMBB1904	SSI	1/22/2020	22	1:1	107,680	-9.4%	2.0 triệu	17.72%	2,900	720	-7.69%	72.90	9.88
CVHM1902	SSI	4/22/2020	113	1:1	8,400	-27.1%	1.0 triệu	21.72%	18,600	10,090	-8.44%	4,602.50	2.19
CMBB1905	HSC	4/8/2020	99	2:1	110,730	-23.4%	5.0 triệu	17.72%	1,700	710	-11.25%	105.80	6.71
CREE1904	VND	1/9/2020	9	2:1	90,270	-38.8%	3.0 triệu	22.42%	3,400	1,180	-14.49%	1,176.90	1.00
CDPM1901	KIS	1/9/2020	9	1:1	112,890	646.6%	1.5 triệu	27.43%	1,900	130	-23.53%	9.10	14.29
CSTB1901	KIS	1/9/2020	9	1:1	430,510	-15.4%	1.5 triệu	19.21%	1,390	100	-28.57%	0.40	250.00
Tổng:					2,106,560		44.50 triệu	20.46%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 31/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CSTB1901 và CDPM1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -28.57% và -23.53%. CGMD1901 và CTCTB1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 15.38% và 12.28%. Thanh khoản thị trường giảm -20.56%. CSTB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.67% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CFPT1905 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CVRE1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VJC phục hồi tích cực sau khi điều chỉnh giảm xuống ngưỡng 142. Thanh khoản tích cực, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn của các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của VJC có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	146.20	1.25	0.65
HDB	27.55	2.42	0.61
NVL	59.50	1.71	0.52
VPB	20.00	1.01	0.46
TCB	23.55	0.43	0.31

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	17.3	-6.99	-0.41
MSN	56.5	-1.05	-0.39
VHM	84.8	-0.82	-0.36
GAS	93.7	-2.80	-0.36
HPG	23.5	-0.63	-0.34

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CGMD1901	29,682	24,928	23,300
CTCB1901	26,860	23,500	23,550
CHPG1908	23,400	20,500	23,500
CNVL1901	69,688	62,088	59,500
CVJC1902	157,900	130,000	146,200
CVPB1901	36,000	18,000	20,000
CVNM1905	150,514	125,725	116,500
CVNM1903	145,580	118,980	116,500
CTCB1902	42,000	21,000	23,550
CHPG1907	25,200	21,000	23,500
CFPT1905	64,900	55,000	58,300
CMWG1907	144,000	125,000	114,000
CFPT1907	61,400	53,000	58,300
CVNM1906	230,000	115,000	116,500
CMBB1903	26,000	22,000	20,800
CMSN1902	155,778	77,889	56,500
CFPT1906	65,500	57,000	58,300
CMBB1906	24,200	20,000	20,800
CMBB1904	24,900	22,000	20,800
CVHM1902	103,600	85,000	84,800
CMBB1905	26,400	23,000	20,800
CREE1904	40,800	34,000	36,300
CDPM1901	15,888	13,988	12,950
CSTB1901	12,278	10,888	10,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.0	0.0%	0.7	2,194	3.0	8,321	13.7	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	86.0	-0.6%	1.0	842	1.4	4,839	17.8	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	68.6	-1.2%	1.3	2,214	0.3	1,889	36.3	3.1	31.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	2.3%	0.7	309	0.0	2,801	11.0	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.0	0.0%	1.0	16,843	3.1	1,589	72.4	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.0	-1.4%	1.1	3,359	0.6	1,033	32.9	2.8	32.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.5	1.7%	0.8	2,455	0.8	3,187	18.7	2.7	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	36.3	-1.0%	1.0	489	0.7	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.5	-1.0%	1.5	332	0.8	3,215	4.5	0.9	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.1	-0.6%	1.4	399	0.8	1,769	10.2	0.9	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.5	0.0%	1.0	211	0.1	5,067	5.8	1.3	37.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.4	1.9%	1.5	284	0.4	1,287	16.6	1.5	56.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	58.3	-0.5%	0.9	1,719	1.7	4,688	12.4	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.1	0.0%	0.4	488	0.0	4,156	10.9	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	93.7	-2.8%	1.6	7,797	1.6	5,886	15.9	3.9	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.0	0.0%	1.5	2,899	0.2	3,467	16.2	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.5	0.0%	1.6	364	1.2	2,062	8.5	0.7	21.7%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.2	1.2%	0.8	1,105	0.3	1,163	7.1	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.5	-0.5%	0.5	520	0.1	4,535	20.2	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.0	-0.8%	0.8	220	0.1	650	19.9	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.5	-2.0%	0.6	150	0.1	625	10.4	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	90.2	-0.9%	1.3	14,545	0.9	5,274	17.1	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	46.2	0.1%	1.6	8,070	1.3	2,109	21.9	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.9	-0.7%	1.6	3,383	1.6	1,641	12.7	1.0	29.4%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.0	1.0%	1.2	2,120	2.4	3,341	6.0	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	20.8	-0.7%	1.2	2,103	2.0	3,261	6.4	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.8	0.4%	1.1	1,642	1.6	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.2	-0.8%	0.8	161	0.2	5,073	8.9	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	32.3	-0.3%	0.3	138	0.1	4,603	7.0	1.2	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.0	-1.2%	1.3	688	0.1	732	21.9	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.5	-0.6%	1.0	2,821	2.9	2,526	9.3	1.4	38.0%	17.4%
HSG	Thép	7.8	-1.8%	1.6	144	0.9	890	8.8	0.6	17.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	116.5	0.0%	0.7	8,820	2.0	5,527	21.1	7.4	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	228.0	-0.9%	0.8	6,357	0.4	7,365	31.0	8.2	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.5	-1.1%	1.2	2,872	1.7	4,512	12.5	2.0	39.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	0.0%	0.6	472	1.0	440	42.1	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	75.0	-3.1%	0.8	7,099	0.3	2,630	28.5	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.2	1.2%	1.1	3,330	3.0	9,850	14.8	5.6	19.5%	43.3%
HAV	Vận tải	33.8	-0.4%	1.7	2,081	0.7	1,747	19.3	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	23.3	0.0%	0.8	301	0.1	1,949	12.0	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.8	-0.6%	0.6	206	0.2	2,571	6.5	1.1	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	70.1	-1.4%	1.0	488	3.6	8,338	8.4	3.5	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	1.1%	0.7	359	0.2	1,398	13.2	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	-0.3%	0.8	248	0.0	1,912	7.8	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	51.3	-3.0%	0.7	170	0.3	9,842	5.2	0.5	47.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.9	0.0%	1.1	517	0.0	1,557	17.3	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.5	-0.4%	0.4	242	0.1	1,845	12.2	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.5	-0.4%	0.6	1,166	0.6	820	14.0	1.1	13.8%	7.8%
NT2	Điện	21.7	-0.2%	0.6	271	0.3	2,721	8.0	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	146.20	1.25	0.28	482790.00
NVL	59.50	1.71	0.28	326820.00
HDB	27.55	2.42	0.19	2.15MLN
VPB	20.00	1.01	0.14	2.81MLN
TCB	23.55	0.43	0.10	731740.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.80	0.44	0.16	1.65MLN
SHB	6.50	1.56	0.11	3.94MLN
VNR	22.00	8.37	0.03	322100.00
PVI	30.80	2.33	0.03	33700.00
VHL	31.00	8.77	0.02	10300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	93.70	-2.80	-1.51	388160.00
VCB	90.20	-0.88	-0.87	230770.00
VHM	84.80	-0.82	-0.68	430660.00
SAB	228.00	-0.87	-0.37	42900.00
VRE	34.00	-1.45	-0.34	413340.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	20.50	-9.69	-0.04	468600.00
DL1	29.80	-2.61	-0.04	1200.00
VCS	70.10	-1.41	-0.03	1.26MLN
SJE	18.10	-6.70	-0.02	5100.00
MBS	14.40	-3.36	-0.02	76400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CCI	15.30	6.99	0.01	800.00
VAF	9.64	6.99	0.01	560.00
AGF	3.69	6.96	0.00	1280.00
TSC	3.08	6.94	0.01	238140.00
SFC	21.60	6.93	0.01	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	49200.00
CKV	16.50	10.0	0.00	2200.00
HTP	11.00	10.0	0.00	2400.00
PPY	22.00	10.0	0.00	700.00
RCL	16.50	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TS4	3.72	-7.00	0.00	22270.00
ROS	17.30	-6.99	-0.22	20.46MLN
LMH	8.53	-6.98	-0.01	2550.00
TCD	10.00	-6.98	-0.01	13740.00
HVX	3.07	-6.97	0.00	1490.00

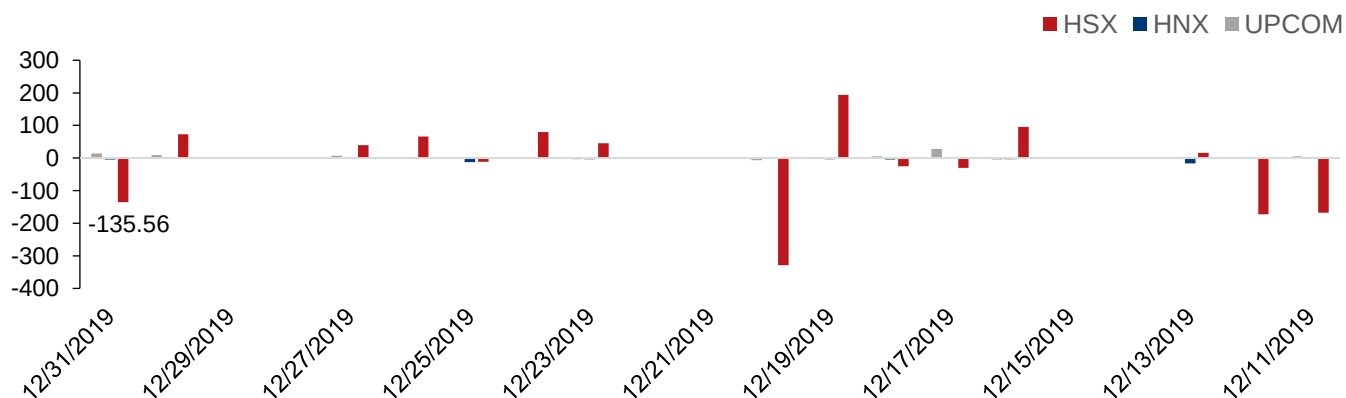
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.80	-11.11	0.00	365200.00
VE4	4.50	-10.00	0.00	100.00
CAN	21.90	-9.88	-0.01	400.00
MBG	20.50	-9.69	-0.04	468600.00
QHD	17.80	-9.64	-0.01	5000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	165.7	n/a	5.7	4.5	Click
2	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.1	0	14.1	0.5	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	114.0	8,321	13.7	4.5	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.8	3,585	6.4	1.5	Click
5	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.7	2,692	4.7	0.8	Click
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.6	2,660	8.9	1.4	Click
7	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	116.0	6,216	18.7	7.1	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	90.2	5,274	17.1	4.1	Click
9	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.0	9,530	3.1	1.6	Click
10	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	58.3	4,688	12.4	2.9	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.0	3,491	6.6	1.1	Click
12	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.5	2,246	7.8	0.8	Click
13	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	32.8	3,678	8.9	0.6	Click
14	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	56.5	4,512	12.5	2.0	Click
15	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	116.5	5,527	21.1	7.4	Click
16	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.1	2,887	7.3	1.5	Click
17	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	36.3	5,614	6.5	1.1	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	39.7	14,958	2.7	0.8	Click
19	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	22.2	26.3	8.1	2,279	3.6	0.5	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	22.8	3,585	6.4	1.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn